

PHỤ LỤC I
THÔNG TIN CHI TIẾT 7 KHU VỰC BAO GỒM: 5 KHU VỰC CÁT, SỎI, 1 KHU VỰC VÀNG GỐC,
1 KHU VỰC ĐÁ ỐP LÁT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Thông báo số 191/TB-ĐGHT ngày 24 /7/2026 của Công ty Đấu giá Hợp danh Hòa Thuận)

TT	Loại khoáng sản, vị trí	Tài nguyên, khối lượng dự báo (m ³)	Diện tích (ha)	Tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 107 ^o 45', múi chiều 3 ^o			Giá khởi điểm R _{đg} (%)	Bước giá R _{bg} (%)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Vốn chủ sở hữu (đồng)
				Điểm góc	X (m)	Y (m)					
1	Mỏ cát, sỏi ký hiệu BTM12 thuộc sông Trót, thôn 1, xã Trà Liên (Trước đây là xã Trà Kót, huyện Bắc Trà My)	56.572	2,0284	1	1698988.00	567012.00	5	0,5	357.994.688	100.000	450.983.460
				2	1698993.50	567050.50					
				3	1698958.11	567052.43					
				4	1698929.59	567069.71					
				5	1698892.36	567077.31					
				6	1698813.80	567096.89					
				7	1698811.60	567111.46					
				8	1698717.49	567137.35					
				9	1698682.61	567135.44					
				10	1698616.20	567160.30					
				11	1698606.01	567100.44					
				12	1698630.37	567103.11					
				13	1698710.79	567084.87					
				14	1698749.76	567068.29					
				15	1698781.91	567043.43					
2	Mỏ cát, sỏi ký hiệu BTM9 thuộc sông Trám, thôn Thanh Trú, xã Trà Liên (Trước đây là xã Trà Đông,	66.720	1,5315	1	1699379.00	566348.00	5	0,5	422.212.500	100.000	340.505.407
				2	1699404.18	566361.24					
				3	1699407.56	566415.32					
				4	1699400.70	566429.45					
				5	1699403.87	566449.85					
				6	1699390.61	566488.32					
				7	1699372.70	566504.18					
				8	1699351.20	566535.63					
				9	1699321.38	566573.11					
				10	1699301.29	566581.21					

	huyện Bắc Trà My)			11	1699281.06	566599.72					
				12	1699281.06	566611.32					
				13	1699273.15	566634.77					
				14	1699263.80	566648.96					
				15	1699240.22	566637.81					
3	Mỏ cát, sỏi ký hiệu KV5-BTM1B4 thuộc thôn Tân Hiệp, xã Trà My (Trước đây là xã Trà Sơn, huyện Bắc Trà My)	10.702	0,535	1	1694324	546654	5	0,5	67.723.594	100.000	118.949.000
				2	1694245	546628					
				3	1694246	546671					
				4	1694331	546687					
				5	1694432	546675					
				6	1694418	546661					
4	Mỏ cát ký hiệu ĐB2B, xã Điện Bàn Tây (Trước đây là xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn)	159.900	6,0	1	1754870	545604	5	0,5	1.011.867.188	200.000	1.334.007.474
				2	1754825	545581					
				3	1754411	545925					
				4	1754433	545984					
				5	1754565	545941					
				6	1754804	545774					
5	Mỏ cát, sỏi Bãi Tỷ Bồi, thôn Tứ Trung, xã Quế Phước (Trước đây là xã Quế Lâm, huyện Quế Sơn)	344.300	12,23	1	1730244	526733	5	0,5	2.178.773.438	200.000	2.719.151.901
				2	1730472	526595					
				3	1730659	526430					
				4	1730896	526137					
				5	1730978	526200					
				6	1730724	526587					
				7	1730306	526855					
	Mỏ vàng G60 Tổ Huy, xã Hiệp Đức			1	1725483	532491					
				2	1725532	532806					
				3	1725468	533007					

6	(Trước đây là xã Hiệp Hòa (sau là xã Quế Tân), huyện Hiệp Đức)	116,8 kg Au	14,81	4	1725290	532919	2	0,2	700.800.000	200.000	22.442.500.917
				5	1725230	532268					
				6	1725282	532228					
7	Đá granit Núi Ong thuộc xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng (Trước đây thuộc xã Đại Nghĩa và xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam)	7.200.000	96	1	1761441	537016	1	0,1	21.600.000.000	1.000.000	32.881.738.080
				2	1760777	537455					
				3	1760113	536452					
				4	1760776	536012					